



## PHƯƠNG DIỆN CHÍNH TRỊ CỦA CÁC GIÁ TRỊ CHÂU Á

**Nguồn:** Richard Robison (1996). "The politics of 'Asian values'", The Pacific Review, Vol. 9, No. 3, pp. 309-327.

**Biên dịch:** Trần Anh Phúc | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

*Bài viết này lập luận rằng một loạt các tư tưởng chính trị chuyên chế và bảo thủ đã được những người châu Á ủng hộ coi như là một cấu thành văn hóa trong xã hội Á châu. Thông qua đó, họ cố bảo vệ quan điểm của mình trước giới phê bình trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, những giá trị về hệ thống trung ương tập quyền ẩn chứa trong các "giá trị châu Á" phải hứng chịu sức ép khi mà chủ nghĩa tư bản công nghiệp làm chuyển đổi xã hội châu Á và các nền kinh tế khu vực trở nên quốc tế hóa. Trớ trêu thay, các giá trị châu Á được các nhà tân bảo thủ theo định hướng thị trường ở phương Tây mô tả như là mô hình cho tương lai. Các giá trị này kết hợp với nhau trong phức hợp giữa chủ nghĩa bảo thủ xã hội với các chính sách nhấn mạnh tăng trưởng kinh tế.*

Ý tưởng rằng châu Á và phương Tây là các thực thể riêng biệt không phải là mới. Cơ sở cho sự phân loại này được các nhà Đông phương học người Châu Âu, mà Marx và Weber là những đại diện tiêu biểu, đặt nền móng vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Đối với các nhà Đông phương học, phương Tây được xác định bởi các ý niệm về tính duy lý và sự tiến bộ, trong khi phương Đông thì gắn chặt với tôn giáo và các hệ thống chính trị mang tính gia trưởng chuyên quyền dễ nảy sinh các cuộc đấu đá nội bộ liên miên và không có khả năng thúc đẩy tiến bộ. Các nhà khoa học chính trị theo chủ nghĩa hành vi của Mỹ vẫn sử dụng lăng kính văn hóa để phân định "Đông" và "Tây" như những phạm trù phân tích chính yếu, đặt văn hóa mang tính thuần phục, gia trưởng và không chấp nhận các quan điểm khác biệt của

phương Đông cạnh bên văn hóa chấp nhận sự khác biệt, chủ nghĩa cá nhân và tư duy lý tính của phương Tây (Huntington 1993; Pye 1985; Neher 1994).

Các quan điểm về châu Á của các nhà Đông phương học được bộc lộ trong chủ nghĩa lãng mạn của dân hip-pi (tức giới thanh niên lập dị) những năm 1960 và 1970. Thoát khỏi điều mà họ nhìn nhận như là một thế giới công nghiệp gây nên sự xa lánh và vô cảm, giới trẻ phương Tây cố tìm đến với thuyết thông linh, tính cộng đồng và lòng trắc ẩn của xã hội “phương Đông”. Một số lượng lớn các doanh nhân sùng đạo người châu Á sẵn sàng thúc đẩy ý tưởng này và làm nên cơ đồ trong quá trình đó. Mặc dù di sản của chủ nghĩa lãng mạn mang tính đa nguyên này vẫn dai dẳng trong các tàn dư của thuyết phụ thuộc (dependency theory), trong các phân tích theo thuyết tương đối hậu hiện đại (post-modernist relativist analysis) về phương Đông và trong sự kết hợp giữa các cách tiếp cận này, bức tranh châu Á lãng mạn này đã bị lụi tàn do một số diễn biến như: sự kết thúc chiến tranh Việt Nam, sự chiếm lĩnh thị trường phương Tây của các nhà đầu tư bất động sản và các nhà sản xuất ô tô Nhật Bản, quang cảnh về nạn diệt chủng ở đất nước Phật giáo Campuchia, cũng như sự tích cực tiếp nhận một hình thức chủ nghĩa tư bản tham tàn tại Trung Quốc thời hậu Mao Trạch Đông.

Với sự trỗi dậy của các quốc gia dân tộc tại châu Á hậu thực dân, và đặc biệt là nhiều trong số các quốc gia này phát triển nền tảng công nghiệp dưới các chế độ chính trị chuyên chế tập trung, một hình thái mới của chủ nghĩa Đông phương đã sớm xuất hiện. Đảo ngược lại những điểm mấu chốt của biến thể châu Âu thời thế kỷ 19, chủ nghĩa Đông phương hiện đại được dựa trên ý tưởng rằng, văn hóa châu Á đề cao tập thể hơn cá nhân là hoàn toàn phù hợp với xã hội công nghiệp hiện đại. Ngược lại, chủ nghĩa tự do, đề cao các quyền và tự do của cá nhân được mô tả là đang tạo ra các xã hội đầy rẫy tội ác với sự băng hoại đạo đức, hầu như không có kỷ luật xã hội hay quan tâm đến các lợi ích lớn lao hơn của cộng đồng. Nói theo Mahathir Mohamad, “các nền dân chủ chỉ đang bắt đầu nhận ra rằng tự do quá mức là nguy hiểm” (1995b:16). Theo cách nhìn này, các giá trị và các mô hình châu Á về tổ chức kinh tế xã hội không phải là một giai đoạn trong quá trình tiến tới xã hội tự do mà là một giai đoạn tiến hóa tiếp sau của thời đại tự do.

Những giải thích về các yếu tố cấu thành nên các giá trị châu Á có sự khác biệt giữa các hệ tư tưởng cầm quyền chính thống cũng như cá nhân từng nhà ủng hộ khác nhau. Đôi khi các giá trị châu Á dường như là một cách gọi các giá trị “văn hóa Trung Quốc” hoặc Nho giáo, hoặc các lý tưởng về các chế độ được điều tiết và trung ương tập quyền cao như của Singapore. Trong các trường hợp khác, các chế độ thực dụng chủ yếu dựa trên các đặc lợi như ở Indonesia hoặc Trung Quốc, cũng

sử dụng các “giá trị châu Á” để hợp pháp hóa quyền hành không bị hạn chế của các chế độ đầu sỏ quan liêu. Mặc dù vậy, điểm mấu chốt của các tuyên bố thường thấy là:<sup>1</sup>

- Cốt lõi của tổ chức xã hội và lòng trung thành không phải là nhà nước cũng không phải cá nhân mà là gia đình, và rằng chính gia đình cung cấp mô hình cho việc tổ chức quyền hành và trách nhiệm trong hệ thống chính trị;
- Lợi ích của cộng đồng hay tập thể được ưu tiên hơn những lợi ích riêng của các cá nhân. Do đó, nghĩa vụ cá nhân đối với cộng đồng được đặt trên các quyền và tự do cá nhân;
- Các quyết định chính trị đạt được bằng quá trình đồng thuận hơn là sự đối đầu thông qua các hệ thống chính trị đại diện;
- Sự gắn kết và hòa hợp xã hội là những ưu tiên, đạt được thông qua các nguyên tắc đạo đức và chính quyền vững mạnh;
- Sự phát triển và tăng trưởng kinh tế đi liền với sự gắn kết xã hội và chính quyền mạnh, và là quyền lợi của mỗi người dân, mỗi nước;

Trọng tâm của quan điểm về “các giá trị châu Á” là một cái nhìn hệ thống về xã hội, trong đó nhà nước đại diện và là người bảo vệ các lợi ích chung của xã hội, đứng trên và chống lại sự tranh giành lợi ích tư.<sup>2</sup> Quan niệm về xã hội bao gồm các lợi ích cạnh tranh nhau được thay thế bằng quan niệm về một xã hội bao gồm một loạt các yếu tố chức năng. Trong một hệ thống tổ chức hài hòa như vậy, sự tận lực đối với các lợi ích chung thay thế cho sự cạnh tranh chính trị. Sự đối lập trở nên lộn xộn và làm rối loạn chức năng.<sup>3</sup>

Trong khi mục đích chính ở đây không phải nhằm cung cấp một bài phê bình về chính bản chất của luận đề “giá trị châu Á”, thì việc đề cập ngắn gọn đến những mâu thuẫn nhất định là hợp lý. Đầu tiên là mối quan hệ không rõ ràng giữa việc coi trọng giá trị của sự đồng thuận trong việc ra quyết định và giá trị của các nhà nước vững mạnh và quyền thế. Sự đồng thuận ngụ ý sự đàm phán giữa một loạt các nhóm, mỗi nhóm trong số đó mang theo một mức độ quyền lực và tầm ảnh hưởng thực sự đến bàn đàm phán cùng với cả một tập hợp các thể chế và cơ chế mà trong đó quá trình đồng thuận đạt được. Tuy nhiên, những yếu tố này hiếm khi xuất hiện. Ở các quốc gia mạnh của châu Á, xu hướng là ép buộc người dân chấp nhận các ý thức hệ duy nhất, do nhà nước quy định. Thay vì là các cơ chế để đạt đồng thuận, các thể chế chính trị lại được thiết lập chủ yếu nhằm đảm bảo an ninh,

kỷ cương xã hội và “tính trách nhiệm” trong suy nghĩ và biểu đạt, nhất là trên các phương tiện truyền thông.<sup>4</sup>

Thứ hai, vị trí của gia đình là không rõ ràng. Trong khi gia đình trong vai trò một mô hình chỉ sự hợp tác và sự quan tâm đến lợi ích tập thể, nó cũng có thể được xem như là một mô hình quyền thế gia trưởng và không tương thích với ý niệm về các giá trị cộng đoàn rộng lớn hơn. Xã hội đặc trưng bởi cấu trúc gia đình bền vững thường tạo ra điều kiện của chủ nghĩa gia đình phi luân lý, dẫn đến việc ngăn cản sự mở rộng của hệ thống luân lý vượt ra ngoài phạm vi gia đình hướng tới xã hội rộng lớn hơn (Banfield năm 1958; Bock 1969). Do đó, sức mạnh của thiết chế gia đình có thể được hiểu tương đương như là một trở ngại đối với sự hợp tác và gắn kết xã hội. Điều dường như là hấp dẫn nhất về gia đình trong hầu hết lời lẽ của các chính phủ châu Á là tính tiện ích của nó trong việc duy trì kỷ cương xã hội và chức năng của nó như là một thể chế phúc lợi xã hội, giúp giảm nhẹ các gánh nặng nghĩa vụ đó cho nhà nước.

Thứ ba, thị trường không tương thích với việc tổ chức sắp xếp các sự vật. Điều tạo ra sự khác biệt giữa chủ nghĩa bảo thủ của Lý Quang Diệu và Mahathir so với chủ nghĩa bảo thủ truyền thống chính là sự nhiệt huyết của họ đối với thị trường (mặc dù đó là các thị trường được quản lý mà trong đó nhà nước đóng vai trò trung tâm). Chính xác thì sự mâu thuẫn giữa các lợi ích cá nhân và tập thể trong phức hợp này được giải quyết như thế nào là không rõ ràng. Cả Lý Quang Diệu và Mahathir chắc chắn đều không sẵn sàng ủng hộ sự hoạt động tự do của cá nhân trên thị trường đến mức mà sự gắn kết xã hội (trật tự, kỷ cương) bị đe dọa hoặc quá trình tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh quốc gia trong nền kinh tế thế giới bị làm cho suy yếu. Tuy nhiên, các lợi ích tập thể khác vốn có thể đi ngược lại đầu tư và tăng trưởng, chẳng hạn như quản lý môi trường và tài nguyên, thì lại bị sao lãng. Cho đến nay, một lý thuyết rõ ràng về thị trường và xã hội vẫn đang còn thiếu.<sup>5</sup>

Cũng giống như những người ủng hộ “giá trị châu Á” gặp phải khó khăn trong việc giải thích những mâu thuẫn này trong quan điểm riêng của họ về yếu tố cấu thành “các giá trị châu Á” hoặc mô hình châu Á, sự mô tả châm biếm của họ về “phương Tây” hoàn toàn không hữu ích trong việc xây dựng các phạm trù phân tích đúng nghĩa. Chân dung về sự đồi bại, tham lam và lãng phí vô độ (Mahbubani 1993; Mahathir 1995c: 40-3; 1995d: 10) minh họa cho sự thái quá của chủ nghĩa tự do Mỹ, qua đó bỏ qua các giá trị dân chủ xã hội bền vững chiếm ưu thế ở nhiều nước phương Tây cũng như vai trò mạnh mẽ của nhà nước và cộng đồng trong việc bảo vệ và thúc đẩy lợi ích tập thể. Không phải việc lựa chọn giữa lợi ích tập thể hay

lợi ích cá nhân, mà chính mâu thuẫn giữa hai nhóm lợi ích đó mới là một mâu thuẫn cố hữu và cơ bản trong tất cả các xã hội tư bản.

Vấn đề khác cũng không rõ ràng là câu hỏi rằng sự biến đổi xã hội có liên quan như thế nào đến thay đổi ý thức hệ và liệu các mô hình “Đông”-“Tây” có loại trừ lẫn nhau hay không. Một mặt, chúng được miêu tả là bất khả biến và miễn nhiễm lẫn nhau. Mặt khác, những người ủng hộ “các giá trị châu Á” đã kêu gọi “phương Tây” hãy học hỏi từ “phương Đông” (Mahbubani 1993), và nhận thấy rằng “các giá trị châu Á” hiện tại đã từng là các “giá trị phương Tây” (Mahathir 1995a: 10). Những mâu thuẫn rõ ràng này cần có lời đáp. “Giá trị châu Á” có phải được xác định bằng các truyền thống văn hóa vĩnh cửu không hay là nó được gắn liền với cái cách mà đời sống kinh tế, xã hội được tổ chức và do đó phụ thuộc vào cả sự thay đổi và ảnh hưởng từ bên ngoài?

Cuối cùng, mối liên kết nhân quả giữa “giá trị châu Á” và phát triển kinh tế là một vấn đề gây tranh cãi. Nếu “giá trị châu Á” rất có lợi cho sự nỗ lực làm việc, tiết kiệm và đầu tư, thì tại sao cách mạng công nghiệp bắt đầu ở phương Tây tự do chứ không phải ở phương Đông Nho giáo? Sự phát triển nhanh chóng của các nền kinh tế châu Á có phải chỉ đơn thuần là một hiện tượng bình thường của sự phát triển tư bản chủ nghĩa giai đoạn đầu hay không? Liệu có phải rằng sự thần kỳ của châu Á, nhờ vào số lượng đồng thời dựa trên khả năng kiểm chế lương và huy động nguồn tiền tiết kiệm, đang đòi hỏi phải có một quá trình chuyển đổi sang tăng trưởng “phụ thuộc vào chất lượng” mang tính đổi mới sáng tạo hơn, yếu tố mà đang kém tương thích với các cấu trúc chính trị và xã hội hiện nay? (Krugman 1994; Hicks 1995).

### **“Các giá trị châu Á”: mô hình của tương lai hay là một mô hình đang suy tàn?**

Tầm quan trọng về mặt chính trị và kinh tế của “các giá trị châu Á” tách biệt với các vấn đề logic triết học. Trên thực tế, “giá trị châu Á” đã trở thành hệ tư tưởng của một loạt các chế độ kết hợp giữa một biến thể mang tính tập trung quyền lực của chủ nghĩa bảo thủ chính trị với nền kinh tế thị trường. “Giá trị châu Á” giành được tầm quan trọng đáng kể trong bối cảnh cạnh tranh chủ yếu đang diễn ra giữa các biến thể tập trung quyền lực, tự do và dân chủ xã hội của chủ nghĩa tư bản, chứ không phải sự cạnh tranh giữa “phương Đông” và “phương Tây”. Trong khi những người theo chủ nghĩa tự do phương Tây thường cho rằng châu Á đang chuyển hóa nhanh chóng thành một thế giới của các thị trường, chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa thực dụng khi mà chủ nghĩa tư bản và sự quốc tế hóa được củng cố, thì ngày

càng có nhiều người trong số các nhà tân tự do phương Tây ủng hộ luồng quan điểm rằng sự ảnh hưởng có thể được lan tỏa theo một hướng khác, hoặc ít nhất là các mô hình châu Á có thể là một sự thay thế cho chủ nghĩa tự do. Fukuyama đã chỉ ra rằng, trong khi sự phát triển kinh tế nhanh chóng sẽ mang lại dân chủ, “nhưng các đặc điểm của nền dân chủ châu Á có thể rất khác so với đặc điểm nền dân chủ Mỹ đương đại vốn đã trải qua các vấn đề nghiêm trọng của riêng mình trong việc hòa hợp các quyền cá nhân với lợi ích của cộng đồng lớn hơn” (1995: 21).

Theo quan điểm của cả các nhà bảo thủ phương Tây lẫn những người ủng hộ “giá trị châu Á”, nền công nghiệp phương Tây được xây dựng vào thế kỷ 19 trên cơ sở các giá trị về chính quyền mạnh, khuôn phép đạo đức, sự chăm chỉ làm việc và tiết kiệm, tương tự như những giá trị đặc trưng cho “giá trị châu Á” ngày nay (*Far Eastern Economic Review*, ngày 23 tháng 6 năm 1994: 5; Mahathir 1995a: 10; Goh 1994: 4). Mahathir lưu ý “Tôi biết rằng nhiều trong số các “giá trị châu Á” từng là các “giá trị phương Tây”. Mặc dù ông nói thêm rằng “có những giá trị là hệ quả của giai đoạn phát triển của chúng ta và sẽ bị thách thức và loại bỏ trong tương lai” (1995a: 10), nhưng ông không cho rằng điều này sẽ liên quan đến một quá trình chuyển đổi tự do. Margaret Thatcher đã tán dương “các giá trị bền vững” của châu Á. Bà nói rằng người châu Á “rất chăm chỉ làm việc, họ rất quan tâm đến việc tự hoàn thiện bản thân, hướng về gia đình. Tất cả các giá trị này là một phần trong số các đức tính ưu việt giúp [các nước châu Á] có thể đạt được mức tăng trưởng phi thường” (*Australian*, ngày 18-19 tháng 11 năm 1995: 4).

Phương Tây được cho là đã tách ra khỏi các giá trị trên vì 02 lý do. Thứ nhất, quá trình suy thoái đạo đức cùng với sự nhu nhược và dần chấp nhận tính bê tha cá nhân như là nguyên tắc trọng tâm của đời sống kinh tế - xã hội phần lớn là do lối sống thanh nhàn trong một nền kinh tế thịnh vượng. Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong cho rằng “các xã hội có thể đi sai đường một cách nhanh chóng. Xã hội Mỹ và Anh đã thay đổi sâu sắc trong 30 năm qua. Các xã hội này có tính kỷ luật, bảo thủ, trong đó gia đình đóng vai trò trụ cột chính cho đến đầu những năm 1960. Từ sau đó, cả Mỹ và Anh đã chứng kiến sự gia tăng đột biến số lượng gia đình bị đổ vỡ, những người mẹ độ tuổi thanh thiếu niên, trẻ ngoài giá thú, tội phạm vị thành niên, nạn phá hoại tài sản và tội phạm bạo lực” (1994: 4). Thứ hai, sự chấp nhận các thể chế dân chủ mang bản chất cực đoan đã tạo thuận lợi và thúc đẩy sự suy thoái. Mahathir cho rằng “các nền dân chủ chỉ mới bắt đầu nhận ra rằng tự do quá mức là nguy hiểm. Nhưng họ chưa sẵn sàng hành động để giải quyết vấn đề đó” (1995b: 14).



Theo quan điểm này, sự suy giảm về kinh tế và xã hội được viện dẫn của phương Tây chỉ có thể bị ngăn lại thông qua việc kiểm chế chủ nghĩa tự do "quá mức" và quay trở lại với các giá trị cũ. Châu Á được cho là đã hoạt động trên cơ sở các giá trị đó và vì vậy nắm giữ một lợi thế vốn có trong việc xây dựng xã hội gắn kết và thịnh vượng. Thách thức duy nhất của châu Á là việc chống lại sự suy giảm tương tự đã gây ảnh hưởng đến phương Tây. Riêng ở Singapore cũng như Malaysia và Trung Quốc, chúng ta đang chứng kiến sức kháng cự mạnh mẽ đối với "sự suy đồi đạo đức". Tại Singapore, đạo luật mới đã được ban hành yêu cầu giới trẻ phải phụng dưỡng cha mẹ già yếu (Woon 1994), trong khi những bà mẹ độc thân bị từ chối tiếp cận nhà ở công cộng và các quảng cáo trong đó trẻ em thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với bố (hoặc mẹ) thì bị cấm (*Straits Times* ngày 27 tháng 8 năm 1994: 4). Phản ứng chống lại sự tiêm nhiễm tệ hại lối sống văn hóa phương Tây thông qua việc kiểm duyệt phim, văn học và giáo dục là phổ biến khắp toàn khu vực (*BBC* 11/3/1995).

Tuy nhiên, ý kiến rằng phương Tây đang suy tàn ở giai đoạn cuối và rằng Châu Á đã sẵn sàng để kế thừa thế giới thì không quá chắc chắn như Lý Quang Diệu và những người khác đề xuất. Tăng trưởng nhanh chóng phổ biến trong những năm đầu của chủ nghĩa tư bản công nghiệp khi mà thương mại hóa đời sống kinh tế trở nên phổ quát và các thị trường nội địa bùng nổ, trong khi nguồn cung lao động với mức lương thấp lại dồi dào và của cải có thể được tập trung vào tiền tiết kiệm và đầu tư. Thông thường, sự giàu lên quá nhanh chóng được hỗ trợ bởi hoạt động tìm kiếm đặc lợi (rent-seeking) không bị ngăn chặn, và hoạt động kiểm soát, ăn bám của nhà nước dùng nguồn vốn để bôi trơn lợi nhuận và tạo ra một thiên đường cho những kẻ ngồi không hưởng lợi. Đó là một giai đoạn phát triển nhìn chung không phải gánh chịu các chi phí để tạo ra các lợi ích tập thể.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu tình trạng này có bền vững hay không. Ví dụ, chính phủ các nước châu Á ngày càng buộc phải chấp nhận các thỏa thuận về sở hữu trí tuệ, từ từ siết chặt sự tự do tiếp cận các sản phẩm trí tuệ của phương Tây và yêu cầu việc tăng chi phí đầu tư vào nghiên cứu và phát triển. Những tiến triển như vậy có thể làm suy yếu việc kiểm soát và kiểm chế đối với các ý tưởng, sự đổi mới sáng tạo, tự do ngôn luận và thông tin liên lạc vốn hiện đang bị áp đặt bởi các loại chế độ kiến tạo phát triển khác nhau. Việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên không bị giới hạn và xả thải không được kiểm soát là những hoạt động phổ biến có chi phí và giới hạn cấu trúc của chúng, khi mà các khu rừng và nguồn đánh bắt cá biển mất đồng thời các chi phí phục hồi hệ thống sông ngòi, đất đai tăng lên. Sự phản đối mạnh mẽ đối với hoạt động vơ vét nguồn lực cũng xuất phát từ

các phong trào môi trường địa phương và quốc tế, các chủ đất và từ các đối thủ cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Nói ngắn gọn, câu hỏi trọng tâm về tính khả thi của mô hình “Châu Á”, như được nêu ra bởi Krugman (1994) và Hicks (1995), là liệu có phải sự thành công của mô hình kinh tế châu Á chỉ xuất hiện trong giai đoạn mà tăng trưởng có thể được tạo ra nhờ sự huy động rất nhiều lao động và vốn, bên cạnh đó là môi trường mà lợi ích của giới ngời không hưởng lợi không bị hạn chế? Một vấn đề cần phải được nêu lên là liệu các hệ thống tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội hiện hữu sẽ có khả năng tiến hành quá độ sang một giai đoạn đời sống kinh tế mới phụ thuộc nhiều hơn vào công nghệ và thông tin, và nơi mà các chính phủ phải giải quyết vấn đề lợi ích tập thể một cách nghiêm túc hơn hay không?

Một khuyết điểm nghiêm trọng khác trong phân tích về các “giá trị châu Á” là ý kiến cho rằng những vấn đề được xem như bằng chứng của sự suy thoái ở “phương Tây” gồm tội phạm, sự mục ruỗng của đời sống đô thị, tăng trưởng kinh tế chậm lại, tiêu chuẩn giáo dục suy giảm, chính là kết quả của tình trạng suy đồi đạo đức và dân chủ quá mức. Việc cho rằng các vấn đề kinh tế, xã hội của phương Tây chủ yếu bắt nguồn từ sự suy đồi đạo đức và dân chủ là nhằm đảo ngược các động lực thực sự đang hiện hữu. Dân chủ, hệ thống phúc lợi xã hội, các khuôn khổ văn hóa mới không phải là nguyên nhân mà là các sản phẩm của sự thay đổi xã hội vốn gắn liền với quá trình phát triển của xã hội tư bản; những thay đổi đó đang nhanh chóng trở nên rõ ràng ở châu Á. Đô thị hóa và sự chuyển đổi sang lao động trả lương theo giờ thường tạo ra những loại hình thất nghiệp và thiếu việc làm khác nhau cũng như những thay đổi trong cấu trúc gia đình. Từ *Economist* (ngày 28 tháng 5 năm 1994: 31-2) đánh giá rằng ngay cả các mối quan hệ giữa nam và nữ, giữa giới trẻ và già, giữa cha mẹ và con cái hiện cũng không tránh khỏi sự biến đổi. Những hình thức phân tách xã hội mới đã xuất hiện. Số người nghèo mới, người thất nghiệp và người già khó hòa nhập vào các cấu trúc gia đình đang thu hẹp nhanh chóng. Do đó, áp lực cho hoạt động cứu trợ của nhà nước trở nên ngày càng lớn hơn (Asher 1995: 16).

### **“Các giá trị châu Á” hứng chịu áp lực: Hình thái nhà nước bảo hộ**

Trong lòng xã hội tư bản ở Châu Á-Thái Bình Dương, các chế độ chính trị thường có đặc trưng là sự hợp nhất giữa nhà nước, đảng và chính quyền quan liêu trong các thể chế như Quốc Dân Đảng (KMT), Tổ chức dân tộc Mã Lai thống nhất (UMNO), và Đảng Nhân dân Hành động (PAP); đó là chưa tính đến các đảng cộng sản ở Trung Quốc và Việt Nam. Trong các trường hợp khác, đặc biệt là Indonesia, Thái Lan và



Hàn Quốc, chính các bộ máy quan liêu quân sự và dân sự đã giành lấy chính quyền và thống trị các đảng phái dưới hình thức khác. Nhưng nhìn chung, trong mọi trường hợp, nhà lãnh đạo chính trị có vai trò trong cả nhà nước, đảng và chính quyền như kiểu “kiềng 3 chân”.

Uy thế của giới tinh hoa trong đảng và bộ máy chính quyền cũng như sự chiếm giữ bộ máy nhà nước của họ đã không được thừa nhận rộng rãi ở châu Á như là một chuẩn mực văn hóa châu Á. Khi các lực lượng xã hội mới ngày càng tự chủ và có tiềm lực mạnh nổi lên, thì các nhu cầu cải cách đã phát sinh từ tầng lớp trung lưu, giai cấp công nhân thành thị và từ các yếu tố của chính giai cấp tư sản. Những cải cách đó bao gồm việc mở rộng chính trường - mặc dù không phải luôn luôn theo hướng dân chủ tự do - cũng như tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quy trình chính trị và hành chính (Hewison 1993; Anderson 1990; Rodan 1996).

Chính trong bối cảnh có những lời chỉ trích và yêu cầu cải cách chính trị và xã hội từ các đối thủ trong nước như thế, các chế độ chính trị bảo hộ (chuyên quyền) đã sử dụng “các giá trị châu Á” như là những tuyên bố ý thức hệ về lợi ích của họ. Các định hướng trung ương tập quyền biện minh cho quyền tự chủ, không chịu trách nhiệm giải trình dựa trên cơ sở quan điểm của Hegel về sự hòa hợp giữa nhà nước và “lợi ích quốc gia”, phủ nhận chính tính hợp pháp của phe đối lập trong một xã hội được cho là có sự hài hòa và thống nhất chức năng trong toàn hệ thống. Việc khơi gợi thái độ thù ghét ở châu Á đối với sự đối đầu và biểu tình công khai có dụng ý nhằm dập tắt sự phản kháng. Chống chủ nghĩa cộng sản đã được thay thế bằng chống chủ nghĩa tự do như là nỗi ám ảnh chính trị trung tâm của các tầng lớp tinh hoa này.

Yếu tố quyền lực tập trung của các giá trị châu Á đã chứng tỏ không chỉ hữu ích trong việc đối phó với những thách thức như vậy. Tư tưởng chống chủ nghĩa phương Tây phổ biến trong luận đề về các “giá trị châu Á” cho phép các chế độ chuyên chế khoác lên mình vỏ bọc chủ nghĩa dân tộc và quy cho những nhà cải cách là “phi châu Á”. Garry Rodan (1995) đã cho thấy một biến thể của quá trình này hoạt động như thế nào trong trường hợp Singapore. Trường hợp Indonesia minh họa cho việc hệ tư tưởng này đã được huy động cho các mục đích tương tự trong một xã hội hoàn toàn khác như thế nào. Một đạo luật gần đây đã bắt buộc tất cả các đảng phái chính trị và các tổ chức quần chúng phải thừa nhận hệ tư tưởng nhà nước, gọi là *Pancasila*. Đó là một ý thức hệ hiện thân của sự tập trung quyền lực quá mức vào trung ương trong đó các lý tưởng về sự hòa hợp, giá trị gia đình, quá trình ra quyết định thông qua sự đồng thuận cùng với sự gắn liền các lợi

ích quốc gia vào trong chính thể nhà nước đòi hỏi phải loại bỏ nhu cầu tồn tại đối lập chính trị và các quan điểm dân chủ tự do (Reeve 1990; Lubis 1990: 166-72; 212-45). Tổng thống Soeharto đã tuyên bố rằng:

Nền dân chủ *Pancasila* không có chỗ cho sự đối lập như ở phương Tây. Trong môi trường dân chủ *Pancasila*, chúng ta đã quen thuộc với việc tranh luận... để có được sự đồng thuận của nhân dân. Bằng cách này, người dân tin tưởng vào các đại diện của họ. Vì vậy, các đại diện này sẽ đứng ra tranh luận. (1989: 346).

Yếu tố phát triển kinh tế trong những năm đầu của "Trật tự Mới" (New Order – thuật ngữ chỉ chế độ của Soeharto) đã được đưa ra như là một điều kiện tiên quyết hướng tới nền dân chủ và là một quy trình kỹ thuật tốt nhất nên được các nhà kỹ trị kinh tế quyết định và không tương thích với sự bất ổn mà cạnh tranh chính trị do dân chủ tự do gây ra (Moertopo 1973). Tương tự, các mối quan hệ lao động dựa trên sự đối kháng lợi ích giai cấp giữa người lao động và giới chủ đã bị bác bỏ theo hướng ủng hộ sự hợp nhất tất cả các tổ chức lao động thành một liên đoàn duy nhất do nhà nước kiểm soát vì điều này phù hợp với *Pancasila*, với việc ra quyết định bằng sự đồng thuận và nguyên tắc gia đình (Moertopo 1974: 14).

Trong thập kỷ qua, chủ nghĩa tự do đã thay thế cách mạng cộng sản và chủ nghĩa cực đoan tôn giáo để trở thành mối đe dọa chính đối với Trật tự Mới, khi mà sự thịnh vượng, quyền lực và thông tin bên ngoài nhà nước ngày càng tăng tạo ra áp lực đòi hỏi các quyền tự do cá nhân lớn hơn cũng như cải cách chính trị. Các nhà lãnh đạo Trật tự Mới, bao gồm Soeharto, Ngoại trưởng Moerdiono, và cựu Tham mưu trưởng Rudini, đã phản ứng lại bằng các cuộc tấn công vào bản chất phá hoại và đối đầu của chủ nghĩa tự do phương Tây, nhấn mạnh trật tự xã hội như là một điều kiện tiên quyết của phát triển kinh tế và dân chủ, đồng thời tuyên bố rằng, trong mọi trường hợp, quan niệm của Indonesia về dân chủ và nhân quyền luôn dựa trên mô hình gia đình (Soeharto 1990: 12; *Kompas* ngày 06 tháng 6 năm 1989; ngày 21 tháng 10 năm 1990; *Jakarta Post* 18 tháng 12 năm 1993; *Indonesia Observer* ngày 22 tháng 12 năm 1993).

Những nỗ lực nhằm duy trì nguyên vẹn các chế độ chuyên quyền này vừa đạt được thành công vừa thất bại. Ngay cả trong những chế độ thành công nhất, những nỗ lực nhằm miêu tả các chế độ và lợi ích của họ như là mang bản chất đặc trưng châu Á cũng đã vấp phải sự chỉ trích đáng kể từ các nhà hoạt động chính trị và các nhà bình luận đến từ một tầng lớp trung lưu ngày càng gắn kết chặt chẽ hơn. Ở Indonesia, các tuyên bố gắn liền với triết lý nhà nước mang tính bắt buộc *Pancasila* theo như cách diễn giải của Trật tự Mới đã bị các nhà lãnh đạo đối lập

gồm Abdurahman Wahid và Sri Bintang bác bỏ rộng rãi bởi các yêu sách đó không khác gì các lợi ích trá hình của giới giàu có và quyền thế.<sup>7</sup> Trớ trêu thay, luận luận về “giá trị châu Á” lại là một con dao hai lưỡi và cũng đã được các nhà phê bình sử dụng để công kích tệ tham nhũng và các cartel đóng vai trò trung tâm trong Trật tự Mới. Phát biểu trước một đám đông người Hồi giáo, cựu Bộ trưởng Emil Salim cho rằng “nhiều chủ thể kinh tế, kể cả các tập đoàn, xem việc tham nhũng và thông đồng với các quan chức chỉ là lẽ thường, bởi vì họ chịu ảnh hưởng của các giá trị phương Tây. Theo ông, Hồi giáo dựa trên nền tảng các giá trị trái ngược với tính tham lam và chủ nghĩa cá nhân của phương Tây (*Jakarta Post* ngày 26 tháng 9 năm 1995: 2).

Giống như Wahid, Bintang, Toer và những người khác trong trường hợp Indonesia, một loạt các nhà lãnh đạo chính trị châu Á đã tranh cãi rằng những lý tưởng về “giá trị châu Á” tiêu biểu cho một số yếu tố cốt lõi của châu Á. Kim Dae Jung (1994), trong một bài viết quan trọng, đã lập luận rằng những lý tưởng dân chủ và mối quan tâm về dân chủ và quyền con người cũng là một phần trọng tâm trong truyền thống chính trị châu Á. Nhiệm vụ đối phó với những người châu Á chỉ trích luận đề “giá trị Á châu” càng trở nên khó khăn hơn khi ngày càng có nhiều quốc gia châu Á - gần đây nhất là Đài Loan và Hàn Quốc – tiến hành thay đổi căn bản chế độ chính trị xã hội của họ, trong đó đã loại bỏ nhiều yếu tố trọng tâm của “giá trị châu Á”. Điều này đã đặt những người ủng hộ các giá trị châu Á vào thế khó. Họ không có lý thuyết xã hội để giải thích cho những chuyển biến và trường hợp riêng lẻ như thế, ngoại trừ việc giải thích chúng theo những thuật ngữ hành vi như sự lệch lạc văn hóa hoặc các lựa chọn sai lầm vốn mâu thuẫn với thực tế văn hóa - xã hội của châu Á.

Nghe có vẻ ngày càng giống như một nhà bảo thủ phương Tây đang rao giảng về tình trạng suy tàn về mặt đạo đức và xã hội đang cận kề, Mahathir cảnh báo “những nước Châu Á nào đã tiếp nhận ồ ạt các tư tưởng phương Tây về dân chủ đang nhận thấy việc cai trị đất nước của họ khá khó khăn. Những cuộc bạo loạn và đình công gây rối làm suy yếu nền kinh tế và khiến cho cuộc sống người dân vất vả. Việc hủy bỏ giảng dạy tôn giáo trong các trường công, trong khi lại cho phép tự do tín ngưỡng tuyệt đối, đã dẫn đến sự mất phương hướng và xuất hiện rất nhiều giáo phái, trong đó có một số giáo phái bạo lực” (Mahathir 1995b: 14).

Tuy nhiên, sẽ là một sai lầm nếu kết luận rằng những lý tưởng chính trị trung ương tập quyền chắc chắn sẽ bị xói mòn bởi chủ nghĩa tự do. Trong nhiều trường hợp, tầng lớp trung lưu đang phát nhanh ở một chừng mực nào đó đã được hợp nhất vào khuôn khổ thể chế và ý thức hệ của các chế độ trên. Ở Indonesia, sự

khởi đầu của một tầng lớp trung lưu chống chủ nghĩa tự do đã được thực hiện bằng cách hợp nhất vào chế độ cầm quyền các thể chế tuyển dụng mới vốn từng nằm ngoài các cấu trúc hành chính và quân sự cũ, đáng kể nhất là Hiệp hội các nhà trí thức Hồi giáo (ICMI) có tầm ảnh hưởng lớn. Trong khi cơ hội cho sự nghiệp chính trị và kinh doanh trong khuôn khổ của chế độ có thể là điểm thu hút chính đối với các thành viên mới, Trật tự Mới cũng đang dần thuyết phục tầng lớp trung lưu Hồi giáo mới nổi về một biểu tượng của niềm tự hào dân tộc và Hồi giáo, điều thách thức phương Tây theo nhiều cách khác nhau, không chỉ trong kế hoạch kinh tế đầy tham vọng của Habibie nhằm vượt qua phương Tây thông qua việc đầu tư vào công nghệ.<sup>8</sup>

Tất cả các yếu tố như niềm tự hào dân tộc, cảm giác oán giận đối với thể thống trị của phương Tây ngay cả ở nơi mà các sản phẩm vật chất và giá trị của phương Tây được chấp nhận, những cơ hội nghề nghiệp và lợi ích của sự gia tăng thịnh vượng là những điểm cuốn hút tầng lớp trung lưu chấp nhận các chế độ chuyên quyền. Việc khơi gợi tinh thần dân tộc chủ nghĩa hoặc “giá trị châu Á” cũng làm tăng rủi ro của những người đối lập bằng cách đẩy họ ra ngoài khuôn khổ hoạt động chính trị hợp pháp. Nhưng đồng thời nó cũng làm tăng rủi ro cho chính những người trong chế độ theo hướng thúc ép họ phải bó hẹp khuôn khổ hoạt động chính trị hợp pháp và khiến cho chế độ phải phụ thuộc vào việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và gia tăng thịnh vượng. Liệu những chế độ như vậy có thể tồn tại hay không trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản chín muồi, được đặc trưng bởi mức tăng trưởng thấp hơn, là vấn đề khó biết chắc.

### **“Giá trị châu Á” hứng chịu áp lực: chế độ Nhà nước chuyên chế trong một nền kinh tế quốc tế**

Trong giai đoạn hậu chiến, trọng tâm của tăng trưởng công nghiệp đã chuyển sang khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và một số nền kinh tế châu Á đã nổi lên như là những nhà xuất khẩu công nghiệp chính với nền kinh tế trong nước phát triển nhanh chóng. Trong tất cả các trường hợp này, nhà nước đã đóng một vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy và tạo ra năng lực cạnh tranh quốc tế thông qua các chính sách tài chính, đầu tư, thương mại và công nghiệp chiến lược. Trừ trường hợp của Singapore, các đặc lợi về kinh tế và sự chiếm giữ quyền lực nhà nước của giới tinh hoa chính trị và các quan chức cũng đã đóng vai trò then chốt trong việc tạo dựng sức mạnh doanh nghiệp. Trong một số trường hợp, sự hợp tác mang tính thể chế hóa cao giữa chính phủ và doanh nghiệp đã củng cố cho việc hình thành và thực thi các chiến lược. Đó là một hướng tiếp cận trái ngược với lý thuyết của các lý tưởng

tự do, theo như lời Amsden là đạt thành công bằng cách “tính toán giá sai” (getting the prices wrong) (Amsden 1989; Wade 1990; Weiss và Hobson 1995; Rodan 1989; Robison 1986).

Những cuộc công kích chống lại các nền kinh tế công nghiệp trọng thương này cùng các khuôn khổ chính trị và giá trị xã hội của chúng đã gia tăng trong thập kỷ qua. Những nỗ lực đó đến từ nhiều nguồn khác nhau. Trước hết là từ Hoa Kỳ và các cường quốc công nghiệp phương Tây khác đang cố thâm nhập vào thị trường châu Á và áp đặt các quy tắc thị trường tự do lên các nền kinh tế châu Á. Tranh chấp về các điều khoản của sự hợp tác (kinh tế) đã trở nên khắc nghiệt, liên quan đến các vấn đề về thương mại và bảo hộ, vai trò thích hợp của chính phủ trong việc định hình thị trường, việc sử dụng hợp pháp chính sách công nghiệp, và sự phát triển khung pháp lý. Về bản chất, cuộc xung đột này có thể được coi là giữa các nền kinh tế xuất khẩu công nghiệp thành công được xây dựng trên cơ sở hệ thống chủ nghĩa trọng thương công nghiệp và thị trường có quản lý, thường gắn với các yếu tố tìm kiếm đặc lợi đáng kể, với các nền kinh tế đang hứng chịu áp lực trong các cuộc chiến thương mại trên thực tế vốn đòi hỏi sự cam kết đối với hoạt động thị trường tự do.

Một thách thức thứ hai đến từ việc truyền thông toàn cầu ngày càng mở rộng và các tổ chức truyền thông đang cố báo cáo về các hoạt động chính trị và kinh tế của giới tinh hoa cầm quyền, tham nhũng, quyền con người và các hoạt động, ý tưởng của những người đối lập, bên cạnh nhiều vấn đề khác. Thứ ba, các nhóm hoạt động vì quyền con người và môi trường cả nội địa và quốc tế tìm cách gây áp lực hối thúc chính phủ và doanh nghiệp thực hiện cải cách trong các vấn đề về quan hệ lao động, quyền con người, hệ thống pháp luật và bảo vệ môi trường.

Đối mặt vấn đề thâm hụt thương mại kinh niên với châu Á và trở ngại đối với hoạt động đầu tư, thương mại trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Mỹ đã ủng hộ mạnh mẽ cho việc mở cửa thị trường vốn đang phát triển nhanh của châu Á cũng như việc chấm dứt các hoạt động thông đồng và can thiệp mà Mỹ cho là đã tạo nên lợi thế cạnh tranh của các nhà xuất khẩu châu Á mới. Thông qua các thể chế của GATT, và gần đây là APEC, Mỹ đã gây sức ép để các nhà lãnh đạo châu Á phải chấp nhận cải cách thương mại. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa của châu Á đã dựa trên không chỉ chế độ thương mại chiến lược mà còn cả mức lương thấp, tỷ lệ tiết kiệm cao, các chiến lược ngành công nghiệp quốc gia liên quan đến sự hợp tác được thể chế hóa cao giữa chính phủ và doanh nghiệp và sự tích lũy tư bản thông qua các đặc lợi. Vì vậy, các khía cạnh kinh tế và chính trị quốc tế của vấn đề không thể bị tách biệt ra khỏi cấu trúc quyền lực chính trị - xã hội trong nước.

Các hệ thống chủ nghĩa trọng thương công nghiệp đã dựa vào việc sử dụng các nguồn lực kinh tế và sức mạnh cưỡng chế của nhà nước để đảm bảo tập trung của cải vào quá trình đầu tư và tăng trưởng cũng như kìm chế sự chống đối lại quá trình này từ phía các liên minh phân phối (đòi bình đẳng xã hội), các nhóm hoạt động môi trường và các công đoàn lao động. Những người nắm giữ quyền lực trong các nhà nước chuyên chế kinh tế phát triển, thường cố thủ trong bộ máy quan liêu hoặc trong một đảng thống trị, cũng dựa vào việc nắm giữ quyền lực nhà nước để có được quyền thế, và trong nhiều trường hợp, có được địa vị xã hội và sự thịnh vượng trong kinh doanh của họ.

Chính sách đối ngoại của Mỹ trong những năm đầu thập niên 1980 đã thay đổi từ ủng hộ các chế độ bảo thủ và độc tài sang ủng hộ cải cách dân chủ, nhân quyền và quyền lao động. Sự ủng hộ cho các cải cách dân chủ ở Philippines, Đài Loan, Thái Lan và phản ứng chỉ trích đối với vụ thảm sát Thiên An Môn năm 1989 đã được tiếp nối bởi các nỗ lực của Tổng thống Clinton thúc đẩy cải cách ở Trung Quốc và Indonesia bằng cách gán các thỏa thuận ưu đãi thương mại với cải cách trong các lĩnh vực nhân quyền và quyền lao động.

“Quản trị tốt” đã trở thành một yếu tố trung tâm trong chính sách đối ngoại Mỹ, bổ sung cho các chương trình về cải cách thị trường của Mỹ, nhằm phát triển năng lực của các thể chế như cơ quan chính phủ, thị trường chứng khoán và hệ thống pháp luật để quản lý các khuôn khổ pháp lý cần thiết đối với sự vận hành hiệu quả của thị trường tự do. Tommy Koh của Singapore bày tỏ hy vọng rằng “quản trị tốt” có thể hình thành cơ sở hợp lý chung giữa “Tây” và “Đông”, vượt qua sự khác biệt trong các vấn đề dân chủ và nhân quyền (Koh 1993). Tuy nhiên, khái niệm “quản trị tốt” đồng thời gắn liền với các mô hình ý thức hệ. Phiên bản Mỹ cũng đòi hỏi việc tạo ra các cơ chế minh bạch cho trách nhiệm giải trình của nhà nước, công chức nhà nước, cũng như một hệ thống chính trị có thể đảm bảo sự tự do và các quyền cá nhân, điều được xem là cơ sở nền tảng của một nền kinh tế thị trường tự do (World Bank 1991).

“Quản trị tốt” theo nghĩa như vậy không chỉ đơn thuần là một khái niệm kỹ thuật. Theo cách nhìn nhận mang chiều hướng tự do thái quá và duy lý kinh tế của WB, “quản trị tốt” đe dọa chính cấu trúc quyền lực chính trị - xã hội trong nhiều xã hội chuyên chế châu Á. Các chế độ dựa trên sự quản lý bằng hoạt động bảo trợ (ô dù) và tìm kiếm đặc lợi đang bị đe dọa cùng với cả những chế độ gắn liền với các loại chính sách xã hội về nhà ở và giáo dục vốn đã thúc đẩy sự tăng trưởng của Singapore, cũng như các quan niệm về sự phối hợp giữa chính phủ và doanh nghiệp vốn đóng vai trò rất quan trọng trong sự thành công về xuất khẩu của Nhật



Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và Singapore. Điều thú vị là cả hai yếu tố này đều được đưa vào trong định nghĩa riêng của Koh về “quản trị tốt”.

Phản ứng lại áp lực tự do, một số nhà lãnh đạo châu Á, nổi bật nhất là Lý Quang Diệu, Goh Chok Tong của Singapore và Mahathir của Malaysia, coi mỗi quan tâm bất thường đối với cải cách thương mại và những lo lắng mang tính nhân bản về quyền con người và cải cách dân chủ của phương Tây như là những thủ đoạn vụ lợi được ngụy trang hòng triệt tiêu lợi thế cạnh tranh của các nước châu Á – lợi thế dựa trên nguồn lao động giá rẻ và tận khai các trữ lượng lớn tài nguyên thiên nhiên (Mahathir 1995: 10; *Australian Business Asia* ngày 20 tháng 10 năm 1993; *Straits Times* ngày 29 tháng 11 năm 1993: 2).

Thông qua việc tuyên bố rằng “châu Á” hoạt động trên cơ sở một hệ thống các giá trị khác biệt, các chế độ chú trọng phát triển bằng nội lực đã bác bỏ sự chỉ trích đối với chế độ kinh tế do nhà nước kiểm soát, hệ thống chính trị mang tính bảo hộ, hồ sơ nhân quyền và các mối quan hệ lao động. Các quan niệm của châu Á về nhân quyền, dân chủ và quan hệ lao động đã được viện dẫn nhằm đáp trả lại các luồng chỉ trích. Trong đó, họ nhấn mạnh trách nhiệm xã hội cao hơn các quyền cá nhân, lợi ích cộng đồng và sự gắn kết xã hội cao hơn lợi ích cá nhân, đồng thời quyền được phát triển và làm giàu được ưu tiên hơn việc vội vàng thúc đẩy dân chủ và cải cách lao động. Mỗi quan tâm của phương Tây về quyền con người được cho là bị mất đi một phần sức mạnh thuyết phục nếu xem xét đến mức độ vô gia cư và tội phạm mà người nghèo ở Mỹ phải đối mặt.<sup>9</sup>

Thị trường Nhật Bản đã hé mở do cách tiếp cận thương mại chiến lược mới của Mỹ, và chủ nghĩa trọng thương công nghiệp nói chung đã bị xói mòn hơn nữa trong GATT, và có khả năng là cả trong APEC. Sự tư nhân hóa và phi điều tiết hóa tiến triển nhanh chóng xuyên suốt cả khu vực. Đây không phải là hệ quả duy nhất của các áp lực từ Mỹ và châu Âu. Chính trong khu vực châu Á, các khía cạnh tiêu cực của chủ nghĩa trọng thương công nghiệp - như chế độ thuế quan mang tính bảo hộ cao, khu vực doanh nghiệp nhà nước chiến lược và nạn tham nhũng tràn lan – đã ngày càng trở thành rào cản đối với hoạt động của các tập đoàn công ty lớn trong khu vực. Vấn đề đặt ra ngày càng cấp bách là làm sao tạo dựng môi trường để các đế chế thương mại vốn được tạo ra trong kỷ nguyên tích lũy tư bản nguyên thủy trong các hệ thống trung ương tập quyền và mưu cầu đặc lợi có thể tồn tại được trên thị trường.

## **“Các giá trị châu Á” và sự tái trở dậy của chủ nghĩa tân tự do/tân bảo thủ ở phương Tây**

Dù các “giá trị châu Á” dường như đang phải chịu áp lực ở châu Á khi mà xã hội tư bản chủ nghĩa phát triển, nhưng trái ngược lại, ở phương Tây lại đang có những tín hiệu bước đầu cho thấy sự thừa nhận các “giá trị giống như của châu Á” đang diễn ra. Các nhà bảo thủ truyền thống phương Tây đã bị cuốn hút bởi những khía cạnh của luận đề “giá trị châu Á” vốn chú trọng vào các nhà nước mạnh, thẩm quyền, trật tự xã hội, kỷ cương xã hội, gia đình và các giá trị đạo đức (Rodan 1995). Tuy nhiên, chủ nghĩa bảo thủ truyền thống khác với chủ nghĩa bảo thủ dựa trên “giá trị châu Á” ở hai điểm. Trong khi chủ nghĩa bảo thủ truyền thống xem các hệ thống thứ bậc xã hội được gắn kết và quy định một cách tự nhiên trong truyền thống và tập tục, thì theo cách nhìn từ “giá trị châu Á”, các hệ thống đó được cho là hình thành trên cơ sở các yếu tố tiện dụng và hiệu suất, do đó dễ chuyển đổi nhanh chóng. Quan trọng hơn, chủ nghĩa bảo thủ truyền thống thù địch với các tác động của lợi ích cá nhân do thị trường tạo ra đối với các thể chế như gia đình, cũng như với tác động của các ngân hàng trong việc thao túng nền kinh tế (Santamaria 1995).

Tuy nhiên, một phức hợp mới kết hợp giữa chủ nghĩa bảo thủ xã hội với chủ nghĩa tân tự do đã nổi lên trong hai thập kỷ qua, trong đó các thị trường và giá trị xã hội bảo thủ có thể cùng tồn tại thay vì là nguyên nhân gây ra sự đổ vỡ các cấu trúc và giá trị xã hội truyền thống (Giddens 1994: 27-41). Một sản phẩm của phức hợp mới này là quan điểm cho rằng dân chủ không bị giới hạn là không tương thích với sự phát triển của các xã hội tư bản mạnh mẽ và sự tăng trưởng kinh tế bền vững. Sự thừa nhận rằng thị trường tự do đòi hỏi hạn chế nền dân chủ đã được phát triển bởi một loạt các nhà lý thuyết về lựa chọn quốc gia và lựa chọn công như James Buchanan, William Riker và Mancur Olson.<sup>10</sup> Ý kiến cơ bản của họ đó là hoạt động tự do của thị trường và quá trình tăng trưởng kinh tế đã bị cản trở về mặt chính trị ở phương Tây do sự dân chủ quá mức. Do các nền dân chủ đã bị chi phối bởi các liên minh phân phối giàu quyền lực đang cố tiếp cận các công quỹ và gây ảnh hưởng đến chính sách vì lợi ích riêng của họ, cho nên chúng tạo ra các mức chi tiêu nhà nước cao hơn, thuế cao hơn và sự chấp nhận các liên minh cartel. Trong quá trình đó, họ chèn ép khu vực tư nhân cũng như hạn chế tiết kiệm và đầu tư, làm suy giảm quá trình tăng trưởng kinh tế.

Do bị thúc đẩy bởi áp lực ngày càng tăng về nguồn lực tài khóa ở phương Tây cũng như sự thất bại của các chính sách theo quan điểm của Keynes trong thời kỳ hậu khủng hoảng dầu mỏ, những quan điểm tân bảo thủ/tân tự do mới này đã

thống trị chính sách của chính phủ Mỹ dưới thời Ronald Reagan và ở Anh thời Margaret Thatcher trong những năm 1970 và 1980. Những quan điểm này có điểm tương đồng với quan điểm của Lý Quang Diệu và những người ủng hộ "giá trị châu Á" khác khi cho rằng dân chủ quá mức gây cản trở tăng trưởng kinh tế, và các giá trị đạo đức bảo thủ nên đóng vai trò định hướng đời sống xã hội và các nhà nước phải hùng mạnh để đảm bảo thực thi pháp luật và duy trì trật tự trước các mối đe dọa.

Khi phản đối các mức thuế cao, các nhóm vận động hành lang về an sinh xã hội, môi trường và lao động có tổ chức - được xem như là một loại liên minh cartel – chủ nghĩa bảo thủ tân tự do có thể trích dẫn hình mẫu châu Á như là bằng chứng của sự thành công, thu hút sự ủng hộ mạnh mẽ từ các nhóm lợi ích doanh nghiệp. Những quan điểm này thường được thể hiện trong các cơ quan báo chí thân doanh nghiệp (Barro 1993: 6). Điều lôi cuốn đối với một bộ phận đáng kể các doanh nghiệp phương Tây đang gia tăng chuyển hướng kinh doanh đến châu Á đó là các mức thuế thấp của châu Á, tình trạng thiếu kiểm soát môi trường hiệu quả, cách tiếp cận hợp lý đối với lao động có tổ chức và sự tương đối thiếu vắng hệ thống phúc lợi xã hội vốn được xem là đang tạo ra một tầng lớp người nghèo (*Far Eastern Economic Review* ngày 24 tháng 11 năm 1994; 18 tháng 8 1994: 5). Đối với họ, chính phủ cần đóng vai trò loại bỏ những trở ngại đối với tăng trưởng và hoạt động của các nhà đầu tư tư nhân. Khi nhiệt thành ủng hộ pháp luật và trật tự, họ cũng nhìn thấy vai trò quan trọng của bộ máy cưỡng chế nhà nước trong việc giải quyết các tác động xã hội không mong muốn của những chính sách trên như tình trạng bất ổn lao động và tội phạm.

Tuy nhiên, bất chấp những ý kiến tương đồng về chống tự do và chống dân chủ, giữa chủ nghĩa tân bảo thủ phương Tây và các đề xuất chính sách xã hội của "các giá trị châu Á" có những khác biệt quan trọng. Trong mô hình "các giá trị châu Á", nhà nước đóng vai trò mẫu chốt trong việc gỡ bỏ những rào cản đối với tăng trưởng và đầu tư, nhưng đồng thời cũng làm kiểm chế các lực lượng thị trường. Tại Mỹ, chiến lược là nhằm loại bỏ những hạn chế đối với thị trường bằng cách hạn chế quy mô và phạm vi hoạt động của chính phủ, đặt ra những giới hạn hiến định đối với quyền lực của chính phủ dân cử trong việc thâm hụt ngân sách, tăng thuế, và ban hành luật về môi trường và các vấn đề xã hội khác, đồng thời loại bỏ khỏi chính trường thẩm quyền dân chủ trong việc kiểm chế hoạt động tự do của tư bản. Đây là bản chất của hiện tượng Newt Gingrich (cựu chủ tịch Hạ viện Hoa Kỳ, người mang tư tưởng bảo thủ - NHĐ). Nó là một dạng chủ nghĩa dân túy tự do mang tính nhỏ lẻ đặc trưng của Mỹ hơn là một dạng chủ nghĩa tư bản chịu sự quản lý nhà nước của châu Á hoặc châu Âu.

Rõ ràng, phức hợp tân bảo thủ/tân tự do phương Tây sẽ không chấp nhận cách tiếp cận hợp tác chiến lược giữa nhà nước và khu vực tư nhân, điều vốn rất cần thiết cho hoạt động của tư bản doanh nghiệp trong mô hình công nghiệp Châu Á. Tương tự, các chính sách đầu tư xã hội công rất lớn của Singapore, đặc biệt là trong cung ứng nhà ở, sẽ là không thể chấp nhận được đối với những người trung thành với chủ nghĩa duy lý kinh tế.

## Kết luận

Trong khi tranh luận về “giá trị châu Á” đã làm dấy lên những tranh cãi quan trọng, không chỉ từ châu Á (Kim 1994; Lung 1994), về bản chất của quyền lực chính trị - xã hội và sự chuyển đổi, thì những tuyên bố riêng của Lý Quang Diệu, Mahathir, Soeharto và những người khác, rằng các “giá trị châu Á” là những hệ tư tưởng bất biến của các nền văn hóa hoặc các nền văn minh, có lẽ đã được tiếp nhận quá mức như thể những tư tưởng học thuật. Điều này cũng đúng đối với công trình gần đây về vấn đề này bởi Huntington và những người theo thuyết tương đối luận văn hóa khác của Mỹ. Điều quan trọng là bản chất chính trị của hệ tư tưởng này. Trong vai trò hệ tư tưởng của giới tinh hoa trong đảng và bộ máy quan liêu của các chế độ “bảo hộ” (chuyên chế), và của các nhóm lợi ích doanh nghiệp gắn chặt với các chế độ trọng thương công nghiệp như thể trong một số nền kinh tế đang công nghiệp hóa ở châu Á, nó là một lực lượng đáng kể. Còn nếu là ý thức hệ của một bộ phận đáng kể trong các tầng lớp trung lưu gắn bó chặt với các chế độ này, nó cũng nhận được sự hưởng ứng có thể rất đông đảo trên cơ sở chủ nghĩa dân tộc và tư tưởng chống phương Tây. Những sự đồng thuận chung mấu chốt với các quan điểm tân tự do và tân bảo thủ ở phương Tây có khả năng hình thành cơ sở cho một liên minh toàn cầu mới ở một số khu vực.

Việc huy động các “giá trị châu Á” và thuyết tương đối luận về tâm lý - văn hóa mà nó hàm ý, tạo ra lợi thế quan trọng trong cuộc chiến ý thức hệ. Nó có tác dụng loại bỏ nhu cầu về việc đối kháng hoặc tranh cãi lẽ phải trái của các vụ việc ngoài chuyện phơi bày thói đạo đức giả của các nhà phê bình phương Tây hoặc chỉ ra những thất bại ở phương Tây. Ví dụ như việc phá rừng tràn lan được bao biện bằng cách chỉ ra vấn nạn tương tự ở phương Tây. Quan trọng hơn, sự chỉ trích từ phương Tây có thể bị bác bỏ như là các nỗ lực nhằm áp đặt các giá trị văn hóa nước ngoài: về cơ bản các nền văn hóa không thể chỉ trích lẫn nhau.

Bằng việc khẳng định bản chất tương đối về văn hóa của các “giá trị châu Á”, những người ủng hộ quan niệm này đã tạo ra một số thế lưỡng nan cho chính họ. Các nhà phê bình và những người chống đối (các giá trị châu Á) trong khu vực

châu Á chỉ có thể bị coi như những người lệch lạc, điều này gây hạn chế sự linh hoạt trong việc hình thành các đồng minh và liên minh. Thuyết tương đối cũng có thể gây tác dụng ngược đối với những người ủng hộ các giá trị châu Á và cho thấy chính sự tồi tệ nhất của thành kiến phương Đông, như Phó Thủ tướng Malaysia, Ibrahim Anwar, từng nói "việc nói rằng tự do là của phương Tây và phi châu Á chính là xúc phạm đến truyền thống riêng của chúng ta cũng như tổ tiên của chúng ta, những người đã cống hiến cuộc đời mình cho cuộc đấu tranh chống lại chế độ độc tài và bất công" (*South China Morning Post* ngày 10 Tháng 3 năm 1995: 23). Bằng việc tuyên bố thuyết tương đối văn hóa, những người ủng hộ "các giá trị châu Á" phải tránh tham gia tranh cãi về định nghĩa các khái niệm phổ quát như nhân quyền, dân chủ và tránh thách thức các tuyên bố tự do đối với những khái niệm này. Định nghĩa thú vị của Koh về "quản trị tốt" và quan điểm ngăn gợn của Anwar về các hạn chế của thị trường được loại bỏ khỏi các cuộc tranh luận có thể xảy ra. Những người theo tư tưởng tự do có thể được bỏ qua một bên.

Bằng nhiều cách, vấn đề về "các giá trị châu Á" thu hút sự chú ý khỏi vấn đề quan trọng hơn đó là giải thích về những động lực của sự thay đổi. Việc bác bỏ thuyết tương đối luận tâm lý - văn hóa vốn đóng vai trò nền tảng của luận đề về "các giá trị châu Á" không thể nào phủ nhận được rằng sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản công nghiệp đã tạo ra một loạt các khuôn khổ chính trị và ý thức hệ mới. Ngay cả ở châu Âu, nước Đức của Bismark khác biệt cơ bản với nước Anh tư bản vào cuối thế kỷ 19 và trải nghiệm của hai nước này khác biệt đáng kể với Ý hoặc Tây Ban Nha (Kurth 1979). Chủ nghĩa tư bản công nghiệp ở châu Á đã tạo ra một loạt các mô hình khác nhau, từ các hệ thống hành chính hóa và trung ương tập quyền cao độ như Singapore đến các chế độ vụ lợi và chính trị đầu sỏ như của Philippines, Thái Lan và Indonesia. Việc phủ nhận luận đề "các giá trị châu Á" cũng không hàm ý rằng xã hội tư bản ở châu Á tất yếu sẽ nhân rộng những trải nghiệm của phương Tây. Việc bác bỏ "các giá trị châu Á" vẫn không giải thích được tại sao các xã hội thay đổi và tại sao những loại hình khác nhau xuất hiện.

Sự công nhận này là một thách thức chủ yếu đối với quan điểm nổi trội của Mỹ rằng chủ nghĩa tư bản và dân chủ chắc chắn và cuối cùng sẽ tạo ra các hình thức chủ nghĩa tự do thị trường và chủ nghĩa dân túy dân chủ vốn hiện đang phổ biến ở Mỹ. Việc phân tích các loại chủ nghĩa tư bản khác nhau gợi mở ra một loạt các câu hỏi. Những động lực nào dẫn đến các đường hướng khác nhau? Có thể có những sự kết hợp và giới hạn gì? Các hệ thống chính trị chuyên chế có thể cùng tồn tại lâu dài với chủ nghĩa tư bản thị trường hay không? Các hệ thống hợp tác giữa chính phủ - doanh nghiệp trong chính sách công nghiệp có phải là những hình thức bảo đảm tăng trưởng hiệu quả hơn so với các thị trường không bị giới hạn không?

Liệu việc mưu cầu đặc lợi có thể là một đặc tính trọng tâm và cố hữu của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hay không? Các hệ thống phúc lợi xã hội có phải là một đặc điểm không thể tránh khỏi của xã hội tư bản chủ nghĩa hay không? Các ý tưởng có thể được vay mượn và cấy ghép một cách có chọn lọc dễ hay khó? Những sự kết hợp nào giữa quyền lực và lợi ích, môi trường quốc tế và thời cơ là cần thiết cho sự xuất hiện những mẫu hình khác nhau?

## Chú thích

1. Có nhiều tài liệu chuyên sâu về vấn đề này. Một vài trong số các tuyên bố chính là: Zakaria (1994); Lee Kuan Yew (1993), "Democracy and Human Rights for the World", *Media Asia* 20(1); *Towards a New Asia* (1994) A Report of the Commission for a New Asia, Kuala Lumpur, pp.32-4; Mahathir and Ishihara (1995).
2. Khái niệm về chủ nghĩa bảo vệ được thảo luận trong chương Freeman của số tạp chí này.
3. Luận đề về hệ thống trung ương tập quyền có mối liên kết chặt chẽ trong lịch sử châu Âu (Stepan 1978), và có ảnh hưởng lớn trong số các nhà lý thuyết hiện đại hóa bảo thủ người Mỹ những năm 1960 (Johnson 1966).
4. Báo chí được cho là có trách nhiệm xã hội trong việc phổ biến thông tin chính xác và thúc đẩy sự thống nhất quốc gia, sự gắn kết xã hội. Báo chí phương Tây bị chỉ trích vì sự thiếu trách nhiệm trong việc đưa tin và là công cụ phục vụ lợi ích các nhà tư bản báo chí tư nhân (Mahathir, 1995b; 1993: 202-3; *Asian Wall Street Journal* 8/12/1994: 6; *Far Eastern Economic Review* 7/4/1994: 20; Goh 1995: 36, 37; *Jakarta Post* 7/11/1995).
5. Một trong số ít những nỗ lực nhằm giải quyết vấn đề này là của phó Thủ tướng Malaysia, Anwar Ibrahim, người đã đặt thị trường trong bối cảnh của các mục tiêu xã hội rộng lớn hơn như xóa đói giảm nghèo, phân phối công bằng và bình đẳng sự thịnh vượng quốc gia và công tác phòng chống gian lận và hành vi sai trái. Theo đó, quan điểm của ông ít tập trung vào mục tiêu thực dụng và dân tộc chủ nghĩa hơn so với các quan điểm của Mahathir hay Lý Quang Diệu (Anwar, *New Straits Times*, 12/11/1995: 12).
6. KMT đã trở thành đảng cầm quyền tại Đài Loan từ năm 1949. Tương tự, UMNO và PAP đã lần lượt nắm quyền điều hành tại Malaysia và Singapore từ cuối thời kỳ thuộc địa.
7. Những nhà cải cách nổi tiếng của Indonesia bao gồm Chủ tịch Tổ chức Hồi giáo đại chúng - Nahdatul Ulama, Abdurahman Wahid, cựu Giám đốc Văn phòng Trợ giúp pháp lý, một luật sư về quyền con người Buyung Nasution, và thành viên Hồi giáo của Quốc hội, Sri Bintang Pamungkas. Theo Sri Bintang, các tuyên bố rằng quyết



định chính trị được dựa trên sự đồng thuận là không rõ ràng. Quá trình này, theo ông, có thể được mô tả tốt hơn như là sự đe dọa hay dụ dỗ (*Kompas* 20/4/1993; *Forum Keadilan* 14/5/1993, 1/4/1993; *Detik* 4-10/1993). Buyung Nasution nói: "Trái ngược với lập luận tương tự và lập luận văn hóa theo hướng ủng hộ chính quyền độc tài, ở Indonesia đã có một cuộc cạnh tranh lâu dài giữa chính trị dân chủ và chính trị độc tài. Mỗi bên đều có được sự ủng hộ ngang nhau, nhưng kể từ cuối những năm 1950, lập luận độc tài đã có được sự hậu thuẫn rõ hơn. (*The Aspiration for Constitutional Government in Indonesia: A Socio-legal Study of the Indonesian Konstituante, 1956-1959*, Jakarta, Pustaka Sinar Harapan: 4) Tiểu thuyết gia hàng đầu của Indonesia, Pramoedya Ananta Toer, thậm chí còn thẳng thừng hơn: "Thật là một thứ rác rưởi lỗi thời khi tiếp tục cố gắng thuyết phục dư luận thế giới rằng nhân quyền ở Indonesia "được tôn trọng phù hợp với những đặc điểm đặc biệt của văn hóa dân tộc" khi tất cả các cuộc nói chuyện này chỉ là một hình thức thao túng từ tầng lớp trên để biện minh cho việc vi phạm các quyền cơ bản của công dân được thực hiện để bảo vệ quyền lực của nhà cầm quyền. (Public Statement on Human Rights Day, Jakarta, 10/12/1992). Cả hai đoạn trích này được trích từ Anders Uhlir, "Democracy in Indonesia? Discourses and practices among the rulers and opposition", bài này được gửi đến Hội nghị về Dân chủ ở châu Á, IIAS, Nias, Copenhagen, 26-9/10/1995.

8. Bộ trưởng nghiên cứu và công nghệ, J. Habibie, rõ ràng đã gắn kết khoản đầu tư công khổng lồ của ông vào phát triển công nghệ với các "giá trị châu Á" về sự hài hòa và hệ thống gia đình. (*Business Times*, 26/01/1994: 20).
9. Đã có một cuộc tranh luận kéo dài về quan niệm quyền con người sau khi Mỹ gây áp lực để Trung Quốc cải cách trong lĩnh vực này. Xem thêm trên *South China Morning Post* 18/4/1994; 17/2, 7/5, 29/5/1995; Christine Loh, "The rights stuff", *Far Eastern Economic Review* 8/7/1993: 15; Sophia Woodman, "Is there an Asian view of human rights", *China Rights Forum* Winter 1994: 14-17.
10. Olson, Mancur (1982) *The Rise and Decline of Nations*, New Haven, CT: Yale University Press. Sự nổi lên của chủ nghĩa bảo thủ theo định hướng thị trường đã được bàn luận bởi Gabriel A. Almond (1991) "Capitalism and democracy", *PS: Political Science and Politics* XXIV(3): 178-9; Peter A. Gourevitch (1993) "Democracy and economic policy: elective affinities and circumstantial conjunctures", *World Development* 21(8): 1271-80; Anthony Giddens (1994) *Beyond Left and Right*, Cambridge: Polity, pp.22-50.
11. Xem trong số tạp chí này về Rodan, pp. 386-409; tham khảo lời của Chủ tịch Đảng Bảo thủ, David Howell, kêu gọi tiếp nhận một vài giá trị, thái độ đã góp phần làm nên sự thành công về kinh tế của châu Á.

## Tài liệu tham khảo

- Amsden, Alice (1989) *Asias Next Giant: South Korea and Late Industrialisation*, Oxford: Oxford University Press.
- Anderson, Benedict (1990) 'Murder and Progress in Modern Siam', *New Left Review* 181: 33-48.
- Asher, Mukul (1995) 'Social security systems and regional challenge', *Bangkok Post* 18 May, p.16.
- Banfield, Edward C. (1958) *The Moral Basis of a Backward Society*, New York: The Free Press.
- Barro, Robert J. (1993) 'Pushing democracy is no key to prosperity', *Asian Wall Street Journal* 27 December, p.6.
- Bock, Philip K. (1969) *Modern Cultural Anthropology: an introduction*, New York: Alfred A. Knopf.
- British Broadcasting Corporation (BBC Summary of World Broadcasts-Source: Voice of Vietnam, Hanoi) (1995) 'Do Muoi addresses journalists congress', 11 March.
- Fukuyama, Francis (1995) 'Confucianism and democracy', *Journal of Democracy* 6(2) April: 20-3.
- Giddens, Anthony (1994) *Beyond Left and Right*, Cambridge: Polity.
- Goh Chok Tony (1994) 'Three lessons for Singapore', *Straits Times* 27 August, p.4. - (1995) 'The Singapore press: part of the virtuous cycle of good government, good society', *Indonesia Business Weekly* 14 August: 36-7.
- Hewison, Kevin (1993) 'Of regimes and pluralities: Thai politics enters the 1990s', in Kevin Hewison, Richard Robison and Garry Rodan (eds) *Southeast Asia in the 1990s: Authoritarianism, Democracy and Capitalism*, Sydney: Allen & Unwin: 159-90.
- Hicks, George (1995) 'The myth of the Asian century', *Asian Wall Street Journal* 26 October: 6.
- Huntington, Samuel P. (1993) 'The clash of civilisations', *Foreign Affairs* 72(3): 22-49.
- Johnson, Chalmers (1966) *Revolutionary Change*, Boston, MA: Little, Brown. Kim Dae Jung (1994) 'Is culture destiny? The myth of Asia's anti-democratic values', *Foreign Affairs* 73(6): 189-94.
- Koh, Tommy (1993) 'The ten values that undergird East Asian strength and success' *International Herald Tribune* 11 December.
- Krugman, Paul (1994) 'The myth of Asia's miracle', *Foreign Affairs* 73(6), November/December: 62-78.

- Kurth, James (1979) 'Industrial change and political change: a European perspective', in David Collier (ed.) *The New Authoritarianism in Latin America*, Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Lubis, Mulya T. (1990) 'In search of human rights: legal-political dilemmas of Indonesia's new order, 1966-1990', Juris Scientiae doctoral thesis, University of California at Berkeley.
- Lung Ying Tai (1994) 'Stereotyping of Asian and Westerners is unproductive', *Straits Times* 27 October, p.29.
- Mahathir, Mohamad (1993) 'The truth must be told sometime', *Media Asia* 26(4): 202-203.
- (1995a) 'Let's have mutual cultural enrichment', *New Straits Times* 16 March, p.10.
- (1995b) 'No freedom without responsibility', *New Straits Times* 20 May, p.10.
- (1995c) 'East beats West', *Asiaweek* 8 September: 40-3.
- (1995d) 'Still dancing to the music of major powers', *New Straits Times* 30 September, p.10.
- and Ishihara, Shintaro (1995) *The Voice of Asia: Two Leaders Discuss the Coming Century*, Tokyo: Kodansha International.
- Mahubani, Kishore (1993) 'The dangers of decadence', *Foreign Affairs* 72(4), September/October: 14.
- Moertopo, A. (1973) *The Acceleration and Modernization of 25 Years' Development*, Jakarta: Center for Strategic and International Studies.
- (1994) *Strategi Politik Nasional*, Jakarta: Center for Strategic and International Studies.
- Neher, Clark (1994) 'Asian style democracy', *Asian Survey* 34(11): 949-96.
- Pye, Lucian W. (1985) *Asian Power and Politics: The Cultural Dimensions of Authority*, Cambridge MA: Harvard University Press.
- Reeve, David (1990) 'The corporatist state: the case of Golkar', in Arief Budiman (ed.) *State and Civil Society in Indonesia*, Clayton: Centre of Southeast Asian Studies, Monash Papers on Southeast Asia, 22: 151-76.
- Robison, Richard (1986) *Indonesia: The Rise of Capital*, Sydney: Allen & Unwin. Rodan, Garry (1989) *The Political Economy of Singapore's Industrialisation: National State and International Capital*, London: Macmillan.
- (1995) "The internationalisation of ideological conflict: Asia's new significance", được trình bày tại "Contest for Asia" Conference, Asia Research Centre, Murdoch University and University of Hong Kong.

- Santamaria, R. (1995) 'Speculation fuelled by laissez-faire', *Australian* 4-5 March, p. 30; 'Fall guy in comic opera', *Australian* 11-12 March, p. 28; 'When governments no longer call the tune', *Australian* 10-11 June, p. 22.
- Soeharto (1989) *Soeharto:Pikiran, Ucapan dan Tindakan Saya*, Jakarta: P.T. Citra Lantoro Gung Persada.
- (1990) *Pidata Kenegaraan Presiden Republik Indonesia*, Jakarta: Departmen Kenegaraan, 16/8.
- Stepan, Alfred (1978) *State and Society: Peru in Comparative Perspective*, Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Thrner (1978) *Marx and the End of Orientalism*, London: Allen & Unwin.
- Wade, Robert (1990) *Governing the Market: Economic Theory and the Role of Government in East Asian Industrialisation*, Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Weiss, Linda, and Hobson, John M. (1995) *States and Economic Development:A Comparative Historical Analysis*, Cambridge: Polity.
- Woon, Walter (1994) 'Honour thy father and mother', *Asian Wall Street Journal*, 28/6: 10.
- World Bank (1991) *Managing Development: The Governance Dimension*, Washington, DC, p. 62.
- Zakaria, Fareed (1994) "Culture is destiny: interview with Lee Kuan Yew", *Foreign Affairs* 73(2): 109-26.

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---